



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh
Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05
ngày 14/03/2025)*

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0222.382.4369

Fax: 0222.382.2708

Website: <http://nuocsachbacninh.vn>

Bắc Ninh, năm 2026



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
I. THÔNG TIN CHUNG.....	5
1. Thông tin khái quát.....	5
2. Quá trình hình thành và phát triển	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty	6
3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty	6
3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty.....	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4.1 Mô hình quản trị Công ty.....	6
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý	8
4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết	11
5. Định hướng phát triển	11
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty	11
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	11
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)	12
6. Các rủi ro.....	12
6.1 Rủi ro kinh tế	12
6.2 Rủi ro về lạm phát.....	13
6.3 Rủi ro luật pháp.....	13
6.4 Rủi ro đặc thù ngành.....	14
6.5 Rủi ro khác	14
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	14
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
2.1 Danh sách ban điều hành	15
2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:	18
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	19
3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có	19
3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có	19
4. Tình hình tài chính.....	19
4.1 Tình hình tài chính.....	19
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
5.1 Cổ phần:	20
5.2 Cơ cấu cổ đông	21
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	21
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:	21
5.5 Các chứng khoán khác:	22
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	22
6.1 Tác động lên môi trường.....	22
6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu	22
6.3 Tiêu thụ năng lượng.....	22
6.4 Tiêu thụ nước:	22
6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:	23
6.6 Chính sách liên quan đến người lao động.....	23

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	24
6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN...	24
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc (Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)	24
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
2. Tình hình tài chính	25
2.1 Tình hình tài sản.....	25
2.2 Tình hình nợ phải trả.....	26
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	26
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	27
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:.....	27
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	27
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)	28
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	28
2.1 Những việc đã làm được	28
2.2 Những hạn chế cần khắc phục	28
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	29
V. Quản trị công ty	29
1. Hội đồng quản trị	29
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	29
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:	31
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị	31
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:	32
1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:	32
2. Ban Kiểm soát.....	32
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát.....	32
2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát	33
3. Tăng cường công tác quản trị công ty.....	34
3.1 Quản trị tài chính - kế toán	34
3.2 Quản trị quan hệ khách hàng	34
3.3 Quản trị quan hệ chất lượng.....	34
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	35
4.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích	35
4.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	35
4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ.....	35
4.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	36
VI. Báo cáo tài chính	36
1. Ý kiến kiểm toán.....	36
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	36

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND :	Ủy ban nhân dân
MTV:	Một thành viên
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HĐQT :	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ :	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CTCP:	Công ty cổ phần
KH-KT:	Kế hoạch - Kỹ thuật
QLDA:	Quản lý dự án
BQ:	Bình quân
GRDP:	Gross regional domestic product (<i>Tổng sản phẩm trên địa bàn</i>)
KH:	Kế hoạch
TH:	Thực hiện

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	11
Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024– 2025	14
Bảng 3: Tình hình thực hiện kinh doanh năm 2025 so với năm 2024 và kế hoạch	14
Bảng 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành.....	15
Bảng 5: Cơ cấu lao động của Công ty	18
Bảng 6: Tình hình tài chính của Công ty.....	19
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	20
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 19/03/2025.....	21
Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại thời điểm 19/03/2025	21
Bảng 10: Mức lương trung bình đối với người lao động	23
Bảng 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	24
Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025	25
Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2024 – 2025	26
Bảng 14: Thành viên Hội đồng quản trị	29
Bảng 15: Thành viên Ban Kiểm soát.....	32
Bảng 16: Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Thù lao HĐQT, BKS	35

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Tên tiếng Anh	: Bac Ninh Clean Water Joint Stock Company
Tên viết tắt	: BANIWACO
Địa chỉ	: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Điện thoại	: 02223824369
Fax	: 02223822708
Website	: http://nuocsachbacninh.vn
Vốn điều lệ	: 375.493.910.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 375.493.910.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng)
Mã cổ phiếu	: BNW
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Lưu Xuân Tâm – chức vụ: Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14/03/2025
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất kinh doanh nước sạch; xây dựng các công trình cấp thoát nước.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 12/UB ngày 17/1/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch; xây lắp hệ thống cấp thoát nước, điện cao hạ thế, nhà dân dụng và công nghiệp.

Ngày 11/12/2006, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh với 100% vốn nhà nước.

Ngày 03/12/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh. Đến ngày 21/10/2016, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1302/QĐ-UBND về việc phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Ngày 22/02/2017, Công ty chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 18/04/2017, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh thành lập theo Giấy chứng nhận 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14/03/2025.

Ngày 21/12/2018, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 815/QĐ-SGDHN ngày 21/12/2018 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh với mã chứng khoán là BNW. Số lượng chứng khoán đăng

ký giao dịch: 37.549.391 cổ phiếu. Ngày 28/12/2018, Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trải qua hơn 25 năm phát triển và trưởng thành, Công ty là đơn vị chính có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhận được nhiều bằng khen UBND tỉnh Bắc Ninh, bộ Xây dựng tặng nhiều bằng khen. Năm 2007, tập thể Công ty được Chính phủ tặng Cờ thi đua theo Quyết định số 724/QĐ-TTg. Năm 2015, Công ty được UBND tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2010 – 2015 tại Đại hội thi đua yêu nước của tỉnh Bắc Ninh. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 theo Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 08/11/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế đến 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp; và
- Tư vấn, giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng.
- Kiểm nghiệm chất lượng nước; Kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm đồng hồ nước

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty

Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ địa bàn thuộc tỉnh Bắc Ninh bao gồm:

- Phường Hạp Lĩnh, Phường Kinh Bắc, Phường Võ Cường, Phường Vũ Ninh, Phường Quế Võ

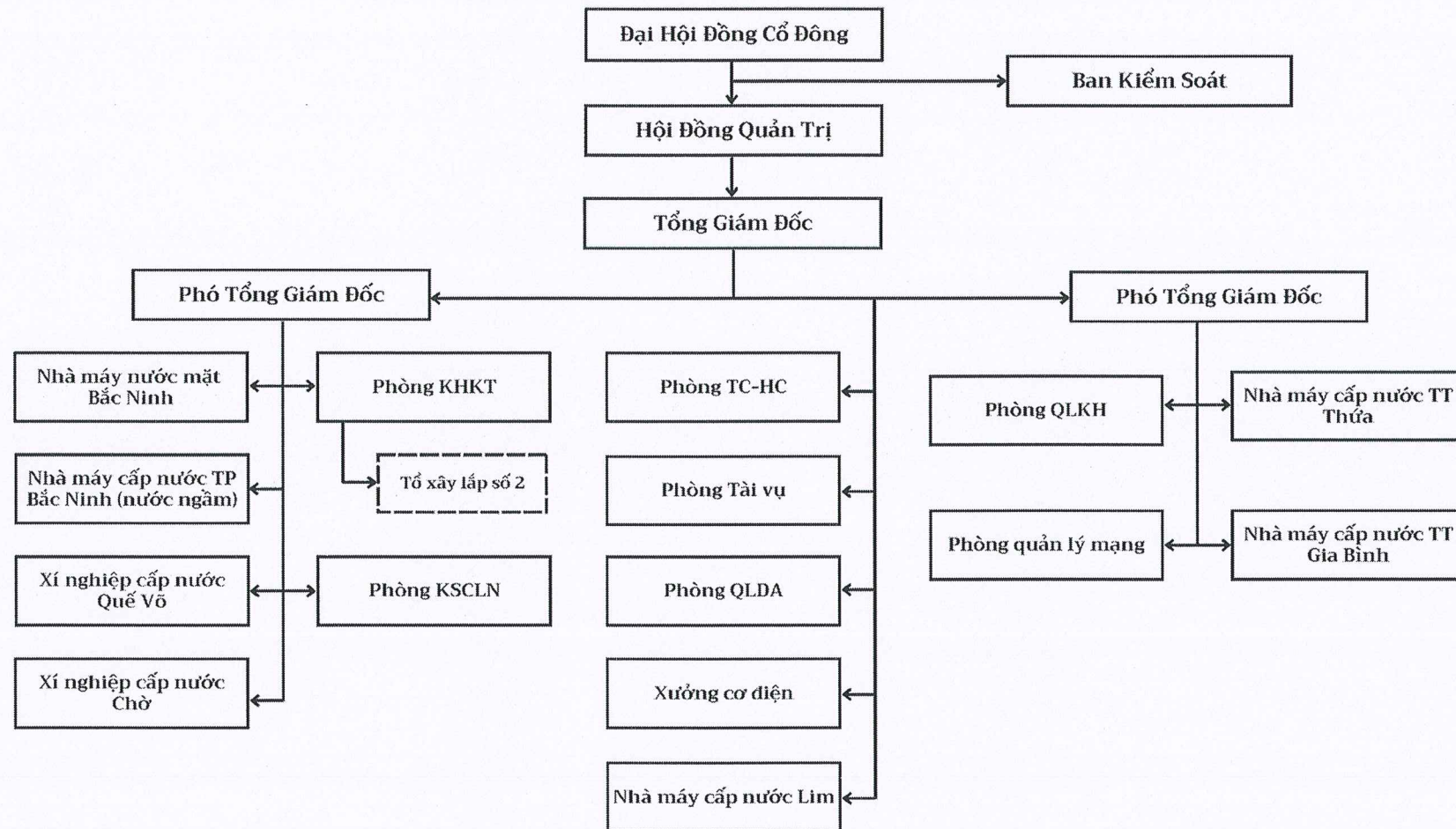
- Xã Lương Tài, xã Gia Bình, xã Yên Phong
- Xã Tiên Du (Công ty cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh đang thuê vận hành).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang áp dụng theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 04 thành viên) với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 300.000.000VNĐ đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát gồm 3 (ba) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ để báo cáo và đề xuất với Công ty.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- **Tổng giám đốc:**

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 1 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê 1 người khác làm Tổng giám đốc.

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Tổng giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các phó Tổng giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Tổng giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

- **Phó Tổng giám đốc:** Số lượng: 02 người

- Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc phân công và ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy quyền. Phó Tổng giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

- **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**

- Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc Công ty về các mặt công tác sau:

- + Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị hóa chất phục vụ sản xuất đảm bảo mục tiêu phát triển của Công ty;

- + Công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước do Công ty quản lý nhằm đảm bảo độ tin cậy của hệ thống cấp nước theo quy định;

- **Phòng Quản lý mạng**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc về lĩnh vực quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa mạng lưới cấp nước trên địa bàn các phường: phường Hạp Lĩnh, phường Kinh Bắc, phường Võ Cường, phường Vũ Ninh.

- **Phòng Quản lý khách hàng**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc về lĩnh vực Quản lý khách hàng sử dụng nước trên

địa bàn các phường: phường Hạp Lĩnh, phường Kinh Bắc, phường Võ Cường, phường Vũ Ninh.

➤ **Phòng Tài vụ**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc trong các lĩnh vực về tài chính, kế toán, công tác quản lý vốn, tài sản, công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế, công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

- Hạch toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, nguồn vốn các hoạt động thu chi của Công ty.

➤ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc về các lĩnh vực tổng hợp, điều phối hoạt động toàn bộ lĩnh vực công tác tổ chức, hành chính của cơ quan, đơn vị theo chương trình kế hoạch công tác của Công ty, thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, hành chính, tiền lương, quản trị, văn thư, lưu trữ, bảo vệ, công tác kiểm tra nội bộ.

➤ **Phòng Kiểm soát chất lượng nước**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc về lĩnh vực Kiểm soát chất lượng nước, triển khai và giám sát các hoạt động cấp nước an toàn trong toàn bộ hệ thống cấp nước của Công ty.

- Quản lý, giám sát chất lượng nước từ nguồn nước khai thác, xử lý nước đến nơi tiêu thụ của khách hàng và nước xả thải các Nhà máy trong toàn Công ty.

➤ **Xưởng cơ điện**

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị, tổng hợp lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị cho các đơn vị toàn công ty.

➤ **Phòng Quản lý Dự án**

- Tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng công trình, dự án của Công ty hoặc các dự án mà Công ty tham gia.

- Tham mưu, soạn thảo các văn bản (ký hoặc ký tắt) thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao.

➤ **Nhà máy nước mặt Bắc Ninh**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành nhà máy nước mặt Bắc Ninh, bao gồm các hạng mục: kênh dẫn nước, trạm thu nước thô, hồ sơ lắng, trạm bơm nước thô và tuyến ống nước thô về khu xử lý, hệ thống châm hóa chất, trạm bơm 2.

- Sản xuất nước đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, số lượng đáp ứng nhu cầu của khách hàng với công suất cấp ra mạng từ 55 – 90 nghìn m³.ngđ (cả 2 giai đoạn)

- Tham mưu, soạn thảo các văn bản (ký hoặc ký tắt) thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao

➤ **Xí nghiệp cấp nước Quế Võ**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc các lĩnh vực về Quản lý khách hàng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa mạng cấp nước trên địa bàn phường Quế Võ theo phân vùng cấp nước.

➤ **Nhà máy cấp nước thị trấn Thứa**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành nhà máy cấp nước thị trấn Thứa, bao gồm các hạng mục: Vận hành sản xuất nước, quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng sử dụng nước.

➤ **Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành Nhà máy cấp nước thị trấn

Chờ, bao gồm các hạng mục: Vận hành sản xuất nước, quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng sử dụng nước.

➤ **Nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình, bao gồm các hạng mục: Vận hành sản xuất nước, quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng sử dụng nước.

➤ **Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh gồm các hạng mục: Các giếng khoan khai thác nước ngầm; Mạng lưới đường ống nước thô về khu xử lý; Hệ thống châm hóa chất; Trạm bơm cấp 2

➤ **Nhà máy cấp nước Lim**

- Tham mưu, giúp Tổng giám đốc Quản lý và vận hành nhà máy cấp nước Lim, bao gồm các hạng mục: Vận hành sản xuất nước, quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng sử dụng nước.

➤ **Tổ xây lắp số 2**

- Tổ chức thực hiện công tác thi công lắp đặt mới, cải tạo, dịch chuyển, tháo dỡ, lắp đặt lại hoặc nâng cấp đường ống và cụm đồng hồ đo nước nhà dân, cơ quan, và các công trình do Công ty đầu tư hoặc các công trình Công ty trúng thầu thi công.

4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2025, Danh sách các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh như sau:

Bảng 1: Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BNW
I	Công ty con	/	/	/
II	Công ty liên doanh			
1	Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	Khu phố Vũ Dương, Phường Bồng Lai, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước; Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	60,00%
III	Công ty liên kết	/	/	/

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Xây dựng, cải tiến hệ thống cung cấp nước sạch, an toàn và đảm bảo chất lượng cho cộng đồng; bảo vệ và quản lý bền vững nguồn tài nguyên nước; nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng; tối ưu hóa quy trình vận hành, giảm thiểu lãng phí; phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; đồng thời đạt được hiệu quả kinh tế và đóng góp vào sự phát triển xã hội.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

- **Phát triển thương hiệu**

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của Công ty.

- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội,... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

- **Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành**

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và xử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng lưới đường ống cấp nước**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh hướng đến phát triển bền vững với các mục tiêu bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm. Công ty cam kết cung cấp nước sạch, an toàn cho cộng đồng, nâng cao chất lượng sống và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp. Đồng thời, công ty tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro kinh tế

Năm 2025, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những biến động địa chính trị phức tạp và sự điều chỉnh chính sách thương mại từ các nền kinh tế lớn. Mặc dù các yếu tố này tạo ra áp lực nhất định lên chi phí logistics và giá nguyên vật liệu đầu vào, nhưng tác động tiêu cực đã được giảm thiểu đáng kể nhờ các chính sách điều hành vĩ mô linh hoạt

và chủ động của Chính phủ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam ghi nhận sự phục hồi vượt bậc với mức tăng trưởng GDP ước đạt 8,02%, đồng thời kiểm soát tốt lạm phát với chỉ số CPI bình quân duy trì ở mức 3,31%.

Tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh – khu vực kinh doanh chiến lược của Công ty, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 ghi nhận những bứt phá ấn tượng. Theo báo cáo của UBND tỉnh, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 10,27% (xếp thứ 5 toàn quốc) và thu hút FDI đạt 5,5 tỷ USD (xứng đáng vị trí thứ 3 cả nước). Sự phục hồi mạnh mẽ của các khu công nghiệp trọng điểm, đặc biệt là sự trỗi dậy của ngành điện tử và bán dẫn, đã tạo ra xung lực mạnh mẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ nước sạch cho cả sản xuất công nghiệp và phát triển hạ tầng đô thị.

Trước những diễn biến thuận lợi đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đã nhanh chóng tối ưu hóa nguồn lực để tận dụng cơ hội từ đà phát triển hạ tầng địa phương. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhanh của tỉnh nhà cũng đặt ra những thách thức mang tính chiến lược như: áp lực đáp ứng công suất trong ngắn hạn, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu lên nguồn nước thô và xu hướng gia tăng chi phí vận hành theo đà lạm phát chung.

Trước bối cảnh vừa có cơ hội vừa có thách thức, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và tinh gọn quy trình quản trị. Những nỗ lực này không chỉ nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh nguồn nước tại địa phương mà còn giữ vững đà tăng trưởng bền vững, thực hiện trọn vẹn cam kết giá trị đối với Quý cổ đông.

6.2 Rủi ro về lạm phát

Rủi ro tài chính doanh nghiệp luôn có mối liên hệ mật thiết với diễn biến lạm phát của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2023–2025, Việt Nam đã khẳng định được năng lực điều hành kinh tế vĩ mô khi duy trì lạm phát ổn định quanh ngưỡng mục tiêu của Quốc hội, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo số liệu công bố của Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm tăng 3,21%, thấp hơn mức tăng CPI chung do đã loại trừ các biến động mạnh từ nhóm hàng lương thực, thực phẩm và dịch vụ công. Rủi ro từ lạm phát và sự gia tăng giá cả có thể ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước. Lạm phát có khả năng làm gia tăng chi phí sản xuất do sự tăng giá của nguyên vật liệu và nhân công. Mặc dù mức lạm phát đã có xu hướng ổn định trong vài năm gần đây, nhưng không thể loại trừ khả năng nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với tình trạng lạm phát cao trong tương lai. Nếu lạm phát gia tăng, các chi phí của doanh nghiệp, bao gồm nhân sự, vận chuyển, xây dựng, bảo trì, tài chính và nhiều khoản chi phí quản lý khác, sẽ bị kéo theo tăng lên, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty.

Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và chủ động kế hoạch kinh doanh với các nhà cung cấp nguyên vật liệu truyền thống. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp như tăng cường quản lý chi phí, tìm kiếm nguồn cung ứng vật liệu xây dựng có giá cả hợp lý, tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận hành để phù hợp với tình hình thị trường.

6.3 Rủi ro luật pháp

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật

Chứng khoán, ... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6.4 Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về nguồn nước tự nhiên

Với nguồn nước khai thác từ tự nhiên, mặc dù lưu lượng nước tương đối ổn định, tuy nhiên Công ty có thể gặp rủi ro khi các điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Chất lượng nước thay đổi sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình xử lý, sản xuất nước và lưu lượng nước tiêu dùng bị hạn chế. Ngoài ra, môi trường nước có thể bị thay đổi do chịu tác động từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các khu vực sản xuất công nghiệp có thể đưa các chất thải từ nhà máy ra sông với lưu lượng không nhiều nhưng cũng gây ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước, có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Đặc biệt là các tàu phà, máy móc hoạt động để khai thác cát, sỏi trên sông, có thể gây rò rỉ xăng, dầu, ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

Rủi ro từ công nghệ

Hệ thống cấp nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh nước sạch của Công ty. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi việc rò rỉ nước từ các đường ống nước, gây ra việc thất thoát nước của Công ty. Để giảm thiểu lượng nước bị thất thoát do lỗi kỹ thuật đường ống, hoặc do đường ống bị rò rỉ do sử dụng lâu dài, Công ty tiến hành áp dụng công tác quản lý hệ thống cấp nước tiên tiến.

6.5 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng, ... Những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024– 2025

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.984.251.029	296.116.077.491	3,18
Doanh thu thuần	286.984.251.029	296.116.077.491	3,18
Lợi nhuận gộp	89.220.276.445	73.508.626.933	-17,61
Lợi nhuận thuần	60.133.523.840	40.372.027.304	-32,86
Lợi nhuận khác	1.064.010.390	652.705.419	-38,66
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.197.534.230	41.024.732.723	-32,96
Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	34.977.760.546	-31,79

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 3: Tình hình thực hiện kinh doanh năm 2025 so với năm 2024 và kế hoạch

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh thực hiện 2025 với	
				KH 2025 (%)	TH 2024 (%)
Tổng doanh thu	286.984.251.029	285.253.000.000	296.116.077.491	103,81	103,18
Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	27.597.000.000	34.977.760.546	126,74	68,21
Cổ tức (%)	10,6	6			

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh với những chuyển biến đáng chú ý: Tổng doanh thu đạt 296,1 tỷ đồng, vượt 3,81% so với kế hoạch và tăng 3,18% so với thực hiện năm 2024, cho thấy đã tăng trưởng ổn định trong việc khai thác và cung cấp nước sạch. Tuy nhiên, dù Lợi nhuận sau thuế vượt xa kế hoạch đề ra (126,74%), chỉ số này lại sụt giảm so với năm trước, chỉ đạt 68,21% mức thực hiện năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm lợi nhuận biên đến từ việc gia tăng đột biến các chi phí vận hành, bao gồm: chi phí mua nước đầu vào, chi phí tiền lương cho CBCNV và chi phí lắp đặt miễn phí đồng hồ đo nước cho hộ dân tại 3 phường Bằng An, Quế Tân, Phù Lương (Quế Võ) nhằm mở rộng thị trường. Đặc biệt, việc đưa Gói thầu số 8 (Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh công suất 45.000 m3/ngđ) và hệ thống đường ống cấp nước tại Quế Võ vào sử dụng đã làm phát sinh áp lực lớn lên chi phí tài chính, do lãi vay dự án dừng vốn hóa và bắt đầu tính trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành

Bảng 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lưu Xuân Tâm	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Khánh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thị Phương	Kế toán trưởng

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên:	Lưu Xuân Tâm
Năm sinh:	1970
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 01/1997 – 08/2005: Đội thi công, cán bộ kỹ

	<p>thuật, phó phòng kế hoạch kỹ thuật, trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 08/2005 – 08/2007: Phó giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 08/2007 – 04/2017: Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 05/2017 -03/2021: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 04/2021 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công ty cấp nước số 2.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	<p>+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 56.900 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0,15%</i>)</p> <p>+ Số cổ phần sở hữu đại diện: 13.142.279 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 35%</i>)</p>

Họ và tên:	Nguyễn Đình Tôn
Năm sinh:	1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	<p>+ Từ tháng 1/1995 - 12/2002: Kế toán, Phòng kinh doanh Công ty lương thực Bắc Ninh.</p> <p>+ Từ tháng 1/2003 – 12/2006: Kế toán, Phòng kế toán Công ty lương thực Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 6/2007 – 12/2008: Nhân viên, phó phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 1/2009 đến 09/2014: Trưởng phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 10/2014 đến 4/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 05/2017 đến 4/2020: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh</p> <p>+ Từ tháng 4/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	<p>+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%</i>)</p> <p>+ Số cổ phần sở hữu đại diện: 5.278.000 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 14,06%</i>)</p>

Họ và tên:	Trần Khánh Tịnh
Năm sinh:	1982
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng giám đốc
Quá trình công tác:	+ 09/2006 - 12/2009: Cán bộ kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + 01/2010 - 9/2010: Phó giám đốc xí nghiệp thoát nước tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + 10/2010 - 11/2012: Phó giám đốc ban quản lý dự án tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + 12/2012 - 05/2016: Phó trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + 06/2016 - 06/2024: Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật tại Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh + 07/2024 đến nay: Phó tổng giám đốc tại Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0%</i>)

Họ và tên:	Nguyễn Thị Phương
Năm sinh:	1989
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Kế toán trưởng
Quá trình công tác:	- Từ tháng 5/2013 → T12/2018: Phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Long Phương – Dự án BT nhà máy nước mặt Bắc Ninh. - Từ tháng 1/2019 → T03/2020: Làm Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Long Phương – Dự án BT nhà máy nước mặt Bắc Ninh - Từ tháng 05/2020 đến tháng 10/2020: Làm Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng tài vụ Công ty CP nước sạch Bắc Ninh. + Từ tháng 11/2020 đến 3/2021: Trưởng Phòng Tài vụ + Từ 4/2021 đến nay: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.872 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Bảng 5: Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Phân loại lao động	31/12/2024	31/12/2025
I	Phân theo trình độ lao động	301	294
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	121	117
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	92	90
3	Công nhân và trình độ phổ thông	88	87
II	Phân theo giới tính	301	294
1	Nam	169	167
2	Nữ	132	127
III	Phân theo Hợp đồng lao động	301	294
1	Hợp đồng mùa vụ (dưới 3 tháng)	0	0
2	Hợp đồng từ 3- 12 tháng	0	0
3	Hợp đồng từ 1- 3 năm	15	15
4	Hợp đồng không xác định thời hạn	286	279
IV	Phân theo Phòng, ban	301	294
1.	Ban Lãnh đạo	3	3
2.	Ban kiểm soát chuyên trách	0	0
3.	Phòng TCHC	19	17
4.	Phòng Tài vụ	12	10
5.	Phòng KH-KT	5	7
6.	Phòng Quản lý dự án	6	7
7.	Phòng kiểm soát chất lượng nước	3	7
8.	Phòng Quản lý mạng	35	47
9.	Phòng Quản lý khách hàng	84	66
10.	Xưởng cơ điện	9	10
11.	Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh	13	8
12.	Nhà máy nước mặt Bắc Ninh	25	31

STT	Phân loại lao động	31/12/2024	31/12/2025
13.	Xí nghiệp cấp nước Quế Võ	20	15
14.	Nhà máy cấp nước thị trấn Thửa	16	17
15.	Nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình	18	23
16.	Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ	14	16
17.	Xí nghiệp cấp nước Từ Sơn	11	0
18.	Các tổ đội xây lắp	8	10
	TỔNG	301	294

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

- Chế độ làm việc

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

- Khởi hành chính, văn phòng: 40 giờ/tuần.
- Các Nhà máy, Xí nghiệp cấp nước: Đảm bảo cấp nước 24/24 giờ. Tùy theo tình hình SXKD mà thỏa thuận với người lao động về thời giờ làm việc.
- Đơn vị làm công tác khoán: Xây lắp, Quản lý mạng, Quản lý khách hàng, căn cứ theo tiêu chuẩn định mức của Công ty cho từng bộ phận để thực hiện trong hoặc ngoài giờ hành chính của Công ty.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ, ... Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp, công nhân vận hành.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	906.953.596.717	928.816.307.226	2,41
Doanh thu thuần	286.984.251.029	296.116.077.491	3,18
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60.133.523.840	40.372.027.304	-32,86
Lợi nhuận khác	1.064.010.390	652.705.419	-38,66
Lợi nhuận trước thuế	61.197.534.230	41.024.732.723	-32,96
Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	34.977.760.546	-31,79
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	77,62%		

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,04
Hệ số thanh toán nhanh: TSNH - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,99	0,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,92	55,54
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	112,38	124,93
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho BQ	Vòng	10,75	11,43
Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần Tổng tài sản BQ	Vòng	0,35	0,32
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,87	11,81
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,01	8,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,65	3,77
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,95	13,63

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 37.549.391 cổ phiếu. Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 36.213.391 cổ phiếu (chiếm 96,44%).
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 1.336.000 cổ phiếu (chiếm 3,56%).

5.2 Cơ cấu cổ đông

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 19/03/2025

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	321	37.549.391	100
1	Cổ đông nhà nước	1	18.420.279	49,06
1.1	UBND tỉnh Bắc Ninh	1	18.420.279	49,06
2	Cổ đông khác	320	19.129.112	50,94
2.1	Tổ chức	1	13.165.245	35,06
2.2	Cá nhân	319	5.963.867	15,88
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	321	37.549.391	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh ngày 19/03/2025)

Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại thời điểm 19/03/2025

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Số CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	UBND tỉnh Bắc Ninh		Số 82, đường Hùng Vương, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	18.420.279	49,06
2	Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương	2300224741, cấp ngày 09/04/2002 tại Phòng ĐKKD tỉnh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Hạp Lĩnh, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh	13.165.245	35,06
3	Vũ Thị Chuyên	027187003435, cấp ngày 25/04/2021 tại Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Khu Trang Liệt, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh	1.980.261	5,27
	Tổng cộng			33.565.785	89,39

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh ngày 19/03/2025)

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Theo công văn số 3438/UBCK-PTTT ngày 6/6/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được chốt ở mức **0%**.

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không.

5.5 Các chứng khoán khác:

Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Công ty kiểm soát lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và việc sử dụng điện năng tại các nhà máy. Mọi chỉ số phát thải luôn được giám sát chặt chẽ để đảm bảo an toàn cho môi trường xung quanh.

- b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Công ty thường xuyên bảo trì máy móc và thay thế các thiết bị cũ bằng các dòng máy thế hệ mới. Việc này giúp máy chạy êm hơn, ít tiêu hao điện năng và giảm bớt các tác động tiêu cực đến khí hậu.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Các nguyên liệu chính gồm hóa chất xử lý nước đạt chuẩn an toàn của Bộ Y tế và các loại vật tư (ống nước, đồng hồ). Công ty quản lý chặt chẽ khâu nhập xuất để sử dụng đúng định mức, tránh lãng phí.

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty thực hiện thu gom các loại đồng hồ nước và đường ống cũ sau khi thay thế để phân loại. Các vật liệu có khả năng tái chế được chuyển giao cho các đơn vị chuyên trách xử lý, nhằm giảm lượng rác thải ra môi trường.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Bao gồm nhiên liệu cho xe cộ và điện năng để vận hành máy bơm, hệ thống xử lý nước phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Nhờ áp dụng các phương pháp kỹ thuật mới, Công ty đã cắt giảm được lượng điện năng hao phí trên mỗi mét khối nước sản xuất được.

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Công ty lắp đặt hệ thống tự động điều chỉnh công suất máy bơm tại các trạm sản xuất để máy vận hành linh hoạt theo nhu cầu sử dụng thực tế của khách hàng, tránh lãng phí điện năng. Đồng thời, việc ưu tiên vận hành máy móc vào các khung giờ thấp điểm đã giúp giảm áp lực cho lưới điện chung và tối ưu hóa chi phí vận hành cho Công ty.

6.4 Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Công ty khai thác nước mặt từ các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh theo đúng giấy

phép và quy định về quản lý tài nguyên nước. Lượng nước thô được điều tiết linh hoạt dựa trên nhu cầu sử dụng thực tế của hộ dân và các khu công nghiệp, đảm bảo tính bền vững và an ninh nguồn nước tại địa phương.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Trong quy trình sản xuất, Công ty thực hiện giải pháp thu hồi nước từ quá trình rửa bể lọc để tuần hoàn lại hệ thống. Việc này giúp tận dụng tối đa nguồn tài nguyên, giảm lượng nước thô cần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng nước của các nhà máy.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Số lượng lao động: 294 người.
 - Mức lương trung bình đối với người lao động: 15,9 triệu đồng/người/tháng

Bảng 10: Mức lương trung bình đối với người lao động

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ tăng/ giảm 2025 so với 2024
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	14,8	15,9	107%

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn gắn kết hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội thông qua các hành động thiết thực. Trong năm, Công ty đã ưu tiên nguồn lực mở rộng mạng lưới cấp nước sạch, hỗ trợ lắp đặt đồng hồ và áp dụng giá nước ưu đãi cho các hộ nghèo, gia đình chính sách. Đặc biệt, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Ninh, ngày 06/10/2025, Công ty đã trao tặng 100 triệu đồng để ủng hộ đồng bào miền Bắc và miền Trung khắc phục hậu quả bão lũ. Hoạt động này cùng các đóng góp vào quỹ khuyến học, an sinh xã hội không chỉ thể hiện tinh thần "Tương thân tương ái" mà còn khẳng định văn hóa doanh nghiệp nhân văn, luôn đồng hành cùng sự ổn định và phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Tuân thủ hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty từng bước tích hợp các tiêu chuẩn tài chính bền vững vào quy trình quản trị. Nguồn vốn được ưu tiên phân bổ cho các dự án nâng cấp công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm tỷ lệ thất thoát nước và bảo vệ môi trường. Việc minh bạch hóa các chỉ số ESG là tiền đề để Công ty tiếp cận các nguồn tín dụng xanh, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế song hành với việc bảo vệ hệ sinh thái bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc (Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.984.251.029	296.116.077.491
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.984.251.029	296.116.077.491
Giá vốn hàng bán	197.763.974.584	222.607.450.558
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.220.276.445	73.508.626.933
Doanh thu hoạt động tài chính	2.813.003.054	2.293.194.467
Chi phí tài chính	11.770.819.626	14.626.890.038
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.128.936.033	20.802.904.058
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60.133.523.840	40.372.027.304
Thu nhập khác	1.070.204.392	941.815.165
Chi phí khác	6.194.002	289.109.746
Lợi nhuận khác	1.064.010.390	652.705.419
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.197.534.230	41.024.732.723

Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.918.320.497	6.046.972.177
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.279.213.733	34.977.760.546
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.358	916

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Năm 2025, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng ổn định về quy mô với doanh thu thuần đạt hơn 296,1 tỷ đồng, tăng 3,18% so với năm trước và vượt 3,81% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù lợi nhuận sau thuế đạt 34,97 tỷ đồng, sụt giảm so với năm 2024 do giá vốn tăng mạnh (12,5%) và chi phí tài chính tăng (24,3%) khi các dự án trọng điểm đi vào vận hành và dùng vốn hóa lãi vay, nhưng kết quả này vẫn vượt 26,74% so với mục tiêu lợi nhuận được giao. Ban Tổng giám đốc đã thể hiện trách nhiệm trong việc bám sát lộ trình đầu tư, đưa các hạng mục công trình mới vào khai thác đúng tiến độ, đồng thời kiểm soát tốt chi phí quản lý để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Những tiến bộ trong việc hiện đại hóa hạ tầng và mở rộng mạng lưới cấp nước đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích cho cổ đông dù chịu áp lực từ các chi phí vận hành mới phát sinh.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2024	31/12/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	158.940.740.516	148.973.935.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.986.613.786	42.147.572.550
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	76.304.501.392	45.150.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	20.551.163.932	39.310.850.860
IV. Hàng tồn kho	18.262.524.880	20.705.028.598
V. Tài sản ngắn hạn khác	12.835.936.526	1.659.683.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	748.012.856.201	779.842.371.612
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	512.154.986.509	665.602.673.166
1. TSCĐ hữu hình	509.917.058.345	663.911.033.566
2. TSCĐ vô hình	2.237.928.164	1.691.639.600
III. Tài sản dở dang dài hạn	200.346.381.604	79.056.093.777
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14.270.362.558	14.270.362.558
V. Tài sản dài hạn khác	21.241.125.530	20.913.242.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	906.953.596.717	928.816.307.226

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 928,8 tỷ đồng, tăng 2,4% so với đầu năm, cho thấy sự dịch chuyển rõ nét từ giai đoạn đầu tư sang vận hành. Điểm nhấn đáng chú ý là tài sản cố định hữu hình tăng mạnh hơn 154 tỷ đồng (tăng 30,2%) do các công trình dở dang đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, giúp nâng cao năng lực sản xuất. Dù các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên 39,3 tỷ đồng theo quy mô kinh doanh, nhưng việc lượng tiền mặt tăng 36% (đạt 42,1 tỷ đồng) cùng danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn 45,1

tỷ đồng đã đảm bảo khả năng thanh khoản dồi dào. Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả khi đưa hạ tầng vào khai thác trực tiếp tạo ra doanh thu, đồng thời kiểm soát tốt các khoản phải thu, không để phát sinh nợ quá hạn gây ảnh hưởng đến dòng tiền và kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2024 – 2025

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
I. Nợ ngắn hạn	141.625.355.235	142.697.990.708
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	39.976.940.936	9.261.807.436
2. Người mua trả tiền trước	254.279.931	661.942.924
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	47.556.889.340	68.091.380.575
4. Phải trả người lao động	12.623.084.318	14.316.121.103
5. Chi phí phải trả	1.821.612.707	3.085.753.802
6. Phải trả ngắn hạn khác	12.580.554.791	20.105.588.941
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.502.793.849	25.992.014.982
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.309.199.363	1.183.380.945
II. Nợ dài hạn	338.293.117.749	373.184.645.972
1. Phải trả người bán dài hạn	91.583.091.321	92.869.198.557
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	246.710.026.428	280.315.447.415
TỔNG CỘNG	479.918.472.984	515.882.636.680

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty là 515,8 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước, chủ yếu do nợ dài hạn tăng để phục vụ các dự án đầu tư. Biến động đáng chú ý nhất là khoản Phải trả cho người bán ngắn hạn giảm mạnh từ gần 40 tỷ đồng xuống còn 9,2 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã chủ động thanh toán kịp thời các nghĩa vụ nợ, không để phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến uy tín và kết quả kinh doanh. Khoản Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng lên mức 280,3 tỷ đồng dẫn đến chi phí lãi vay tăng theo (hạch toán hơn 14,6 tỷ đồng trong năm), tuy nhiên do các khoản vay chủ yếu bằng nội tệ, Công ty không chịu ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá hối đoái. Mặc dù chi phí lãi vay tăng gây áp lực lên lợi nhuận trong ngắn hạn, nhưng đây là sự đầu tư cần thiết để vận hành hạ tầng mới, đảm bảo dòng tiền ổn định và khả năng chi trả các nghĩa vụ thuế, tài chính luôn được thực hiện đầy đủ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của Công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

- **Phát triển thương hiệu**

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của Công ty.

- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

- **Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành**

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và xử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát

thải,...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ các quỹ vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2025, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức từ biến động chi phí đầu vào, toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao phó. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính trọng điểm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra: Tổng doanh thu đạt 296,12 tỷ đồng (vượt 3,81% so với kế hoạch); Lợi nhuận sau thuế đạt 34,98 tỷ đồng (đạt 126,74% so với kế hoạch). Công ty luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động, Nhà nước và các cổ đông thông qua việc duy trì thu nhập ổn định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc ký kết hợp đồng, xây dựng phương án kinh doanh và cung cấp dịch vụ nước sạch hiệu quả. Nhờ đó, công tác điều hành sản xuất luôn giữ vững thể chủ động, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn, đảm bảo việc làm và không ngừng cải thiện đời sống cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán

bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành cấp nước, trong năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đặt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.

- Tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tập trung vào các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia marketing.

- **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty**

- Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban chức năng, đồng thời kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.

- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo.

- **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**

- Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Xây dựng mạng nội bộ từng phòng ban (mạng LAN); áp dụng thống nhất cùng 1 phần mềm quản lý.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bảng 14: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành
2	Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (Nhu thông tin trình bày trong mục II.2.1. Ban Điều Hành)
3	Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT (Nhu thông tin trình bày trong mục II.2.1. Ban Điều Hành)
4	Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT – Không điều hành
5	Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Tiến Long - Chủ tịch HĐQT – Không điều hành

Họ và tên:	Nguyễn Tiến Long
Năm sinh:	1971
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 2002- 2012: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Long Phương (TNHH) + Từ năm 2006- 2008: Thành viên Hội Doanh nhân trẻ Bắc Ninh + Từ năm 2008-2022: Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Bắc Ninh + Từ năm 2012- 2020: Chủ tịch tại Công ty TNHH Long Phương + Từ năm 2017- nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Nước sạch Bắc Ninh + Từ năm 2020 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tập đoàn Long Phương + Từ năm 2022 - nay: Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Bắc Ninh + Từ năm 2022 - nay: Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Tập đoàn Long Phương, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh, Chủ tịch Hội doanh nhân trẻ tỉnh Bắc Ninh, PCT Hội doanh nhân trẻ Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	<ul style="list-style-type: none"> + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 0%</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 13.165.245 cổ phần (<i>Tỷ lệ nắm giữ: 35,06%</i>)

Bà Vũ Thị Chuyên - Thành viên HĐQT – Không điều hành

Họ và tên:	Vũ Thị Chuyên
Năm sinh:	1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh Doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT không điều hành
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 2009-2011: Chuyên viên giao dịch tại Công ty cổ phần chứng khoán Trảng An + Từ 2012-T4/2017: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Đức Thúc + Từ T4/2017 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Thùy Linh + T5/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ	Không

chức khác:	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.980.261 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 5,27%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%)

Ông Nguyễn Xuân Quyết - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên:	Nguyễn Xuân Quyết
Năm sinh:	1979
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cấp thoát nước ĐH Xây Dựng, Thạc sỹ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên độc lập HĐQT
Quá trình công tác:	+ Từ T01/2004 đến T06/2010: Cán bộ kỹ thuật, Phó trưởng phòng tại Đội xây lắp tổng hợp III, Phòng quản lý dự án, Công ty Cấp thoát nước BN + Từ T7/2010 đến T9/2014: Giám đốc Xí nghiệp tại Xí nghiệp quản lý nước thải, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BN + Từ T10/2014 đến T10/2015: Phó Giám đốc Công ty tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BN + Từ T11/2015 đến T02/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Thoát nước và XLNT BN + Từ T02/2017 đến T2/2025: Thành viên HĐQT, Người đại diện phần vốn NN, Giám đốc Công ty + Từ T5/2024 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty CP Nước sạch BN
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT, Giám đốc, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%)

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ

chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng, đồng thời, kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bảng 15: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Hồng Thiện	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Hương - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Trần Thị Hương
Năm sinh:	1972
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Trưởng Ban kiểm soát
Quá trình công tác:	+ Từ 1998 - 2008: Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 2009- 2017: Cán bộ kiểm tra tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 2017 – nay: Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%)

Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Thị Mai Lan
Năm sinh:	1976
Quốc tịch:	Việt Nam

Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát
Quá trình công tác:	+ Từ 1997 - 2013: Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 2013 - 2017: Cán bộ kiểm tra tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 2017 - nay: Thành viên ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%)

Ông Nguyễn Hồng Thiện - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Hồng Thiện
Năm sinh:	1965
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát
Quá trình công tác:	+ Từ 1984 - 1989: Học tại Học viện cảnh sát Bộ công an + Từ 1989 - 2023: Điều tra viên cao cấp tại Cục cảnh sát kinh tế Bộ công an
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Thành viên Ban pháp chế công ty CPTĐ Long Phương
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0%)

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Tăng cường công tác quản trị công ty

3.1 Quản trị tài chính - kế toán

Quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán đúng pháp luật, cập nhật các thông tư, nghị định, chính sách mới, cập nhật phần mềm kế toán Misa và phần mềm in hóa đơn Citywork.

3.2 Quản trị quan hệ khách hàng

Trung tâm chăm sóc khách hàng của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh là kênh tiếp nhận thông tin chính thức của Công ty, là nơi tiếp nhận các yêu cầu, phản ánh và giải đáp thắc mắc của khách hàng. Sau khi đi vào hoạt động, TTCSKH đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực cho Công ty cụ thể như sau:

- Là đầu mối duy nhất tiếp nhận, giải đáp thông tin phản ánh của khách hàng, giúp các thông tin của khách hàng được đưa về 1 đơn vị tiếp nhận nhất định, từ đó giảm tải các thông tin mà các đơn vị chuyên môn phải thực hiện, hạn chế các thất lạc thông tin hoặc thiếu sót nội dung công việc. Là nơi quản lý thông tin, đốc thúc các đơn vị chuyên môn nhanh chóng xử lý công việc, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, giúp cho khách hàng hài lòng khi sử dụng dịch vụ cấp nước của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

- Rút ngắn thời gian giao việc cho các bộ phận chuyên môn thực hiện, tiết kiệm được tiền in ấn phiếu sửa chữa ...

- Là đơn vị quản lý, kiểm soát tiến độ hoàn thành công việc của các đơn vị phòng ban chuyên môn, từ đó có thể đưa ra báo cáo tổng hợp về tình hình sửa chữa giúp Lãnh đạo Công ty có thể nắm bắt được mức độ hoàn thành công việc của từng đơn vị trong tháng, quý, năm ...

3.3 Quản trị quan hệ chất lượng

Công ty đã có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, do đó tự chủ động kiểm tra giám sát chất lượng nước tại các công đoạn sản xuất. Các chỉ tiêu chất lượng nước sạch được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo theo Quy chuẩn của Bộ Y tế QCVN 01-1:2018/BYT và Quy chuẩn địa phương QCDP 01:2021/BN. Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước được thực hiện trong từng ca sản xuất, từ đầu nguồn đến các công đoạn xử lý, từ đó phát hiện và xử lý kịp thời các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nước. Xây dựng định mức hóa chất phù hợp với chất lượng nước của từng Nhà máy, kiểm soát chất lượng hóa chất đảm bảo chất lượng theo quy định. Để chủ động tự thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước tốt hơn nữa Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm các máy móc, thiết bị phục vụ công tác kiểm soát chất lượng nước, đồng thời lắp đặt bổ sung hệ thống theo dõi chất

lượng nước online giúp công tác vận hành được thuận tiện.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

4.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Bảng 16: Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Thù lao HĐQT, BKS

STT	Tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2025
I.	Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT – Không điều hành	120.000.000	300.000.000
2	Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	726.602.815	913.868.671
3	Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	673.637.961	767.727.123
4	Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT – Không điều hành	84.000.000	144.000.000
6	Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên độc lập HĐQT	56.000.000	144.000.000
II.	Ban Điều hành			
1	Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	(Như trên)	(Như trên)
2	Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	(Như trên)	(Như trên)
3	Ông Trần Khánh Tịnh	Phó Tổng giám đốc	342.942.882	621.291.668
4	Nguyễn Thị Phương	Kế toán trưởng	539.000.000	579.213.757
III.	Ban kiểm soát			
1	Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát	331.537.029	412.798.345
2	Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên Ban kiểm soát	253.200.027	310.213.729
4	Ông Nguyễn Hồng Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	40.000.000	96.000.000

(Nguồn: BCTC 2025 đã được kiểm toán và NQ ĐHCĐ thường niên 2025 của Công ty)
 (*) Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2025 được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

4.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

4.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ

Không có

4.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về các báo cáo này tại ngày 05 tháng 02 năm 2026.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: www.nuocsachbacninh.vn *phd*

Nơi nhận: *✓*

- UBCKNN, HNX;
- Cổ đông (website Cty);
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2026 *✓*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Xuân Tâm

